

Bản án số: 28/2024/HSST

Ngày 15-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH HÀ GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Đạt.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Biên.
Ông Đỗ Duy Toàn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Chung Minh Dẫn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang:** Ông Vương Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 19/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2024 đối với:

Bị cáo: Hoàng Văn N, sinh năm 1989; tại huyện V, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; đảng, đoàn thể: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Xuân T, sinh năm 1961(đã chết) và con bà Lộc Thị R, sinh năm 1957(đã chết); vợ: Có vợ là Trương Thị X, sinh năm 1988; con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2019, con bé nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 15/09/2023. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn N: Bà Trần Thị L, sinh năm 1981, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh H(Có mặt).

- Nguyên đơn dân sự Ban Q3, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang.

Người đại diện nguyên đơn dân sự và đồng thời là Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án thuộc Nhóm tín dụng tiết kiệm thôn bản thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang do: Ông Trương Văn Q, sinh năm 1983; trú tại: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án

- Chị Trương Thị X, sinh năm 1988; trú tại: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang (Vắng mặt).

- Chị **Lý Thị L1**, sinh năm: 1990; trú tại: **Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang** (Vắng mặt).

4. Người làm chứng:

- Anh **Trương Ôn V**, sinh năm: 1970; anh **Lý Văn Đ**, sinh năm: 1986; anh **Bàn Văn T1**, sinh năm: 1965 (Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện hướng dẫn thiết lập và vận hành Quỹ phát triển thôn bản (QPTTB) của dự án “Quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học nhằm giảm phát thải CO₂” theo Quyết định số 1921/QĐ-BNN-TC ngày 22/5/2017 của **Bộ N1**. Ngày 19/6/2018, **Ủy ban nhân dân Q3** (UBND) **xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang** ban hành quyết định số 41/QĐ-UBND về việc thành lập **Ban Q3**; Quyết định số 42/QĐ-UBND thành lập **Ban quản lý Q3**) Quỹ phát triển thôn bản **thôn H** thuộc dự án Quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học nhằm giảm phát thải CO₂ (KFW8) có ba thành viên do **Trương Văn Q** làm trưởng ban, **Lý Thị L1** làm Kế toán và **Hoàng Văn N** làm Thủ quỹ để quản lý quỹ.

Trong quá trình hoạt động của dự án, **Ban Q3** ngoài việc quản lý quỹ hoạt động của BQL dự án KfW8 còn quản lý tiền Quỹ phát triển thôn bản và tiền quỹ của Nhóm tín dụng tiết kiệm thôn bản (NTDTKTB). Vào ngày 09 hàng tháng, Ban quản lý Quy PTTB tiến hành làm việc tại trụ sở **thôn H, xã T, huyện V** để phê duyệt khoản vay và tiếp nhận tiền của các thành viên trong nhóm gửi vào quỹ (*mức đóng góp từ 10.000,đ đến 200.000,đ/tháng*). Đến cuối ngày giao dịch, các thành viên trong BQL quỹ tiến hành kiểm kê tiền, ghi chép sổ sách và giao lại toàn bộ số tiền mặt của quỹ cho **Hoàng Văn N** có trách nhiệm quản lý quỹ từ năm 2018 đến tháng 7/2023.

Từ năm 2022 **Hoàng Văn N** đã chiếm đoạt tiền của Quỹ phát triển thôn bản **thôn H** quản lý để chi tiêu cá nhân. Đến ngày 25/7/2023, do không có khả năng chi trả số tiền đã chiếm đoạt của Quỹ PTTB **thôn H, N** đã cung cấp thông tin toàn bộ số tiền quỹ đã bị mất. Quá trình điều tra xác định tổng số tiền **Hoàng Văn N** đã chiếm đoạt của **Ban Q3** là 399.585.000đ (*Ba trăm chín mươi chín triệu năm trăm tám mươi năm nghìn đồng*), bao gồm các khoản tiền:

Tiền của Ban quản lý dự án KfW8 chi trả năm 2023 để phục vụ hoạt động bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học là 72.755.000,đ (*Bảy mươi hai triệu bảy trăm năm mươi năm nghìn*);

Tiền quỹ của Quỹ phát triển thôn bản là 275.500.000,đ (*Hai trăm bảy mươi năm triệu năm trăm nghìn*);

Tiền tiết kiệm của các thành viên Nhóm tín dụng tiết kiệm thôn bản đóng góp là 27.827.000,đ (*Hai bảy triệu, tám trăm hai mươi bảy nghìn đồng*) (Trong đó, số tiền hộ gia đình **Hoàng Văn N** tham gia đóng góp là 2.363.000,đ).

Tiền lãi các thành viên vay vốn là 23.503.000,đ (*Hai mươi ba triệu năm trăm linh ba nghìn*).

Hoàng Văn N đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình và khai nhận quá trình được giao quản lý quỹ, **N** đã sử dụng cho cá nhân tổng số tiền của quỹ do Nhớ quản lý là 399.585.000,đ (*Ba trăm chín mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn*). Toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt, **Hoàng Văn N** sử dụng vào mục đích cá nhân như sau: Tháng 01/2023, cho **Lý Thị L1** vay số tiền 20.000.000,đ (*Hai mươi triệu đồng*); tháng 02/2023 mua 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE RSXF1, BKS: 23H1-26.448 với số tiền 24.000.000,đ (*Hai mươi tư triệu đồng*); tháng 03/2023 xây tường bao xung quanh nhà ở với số tiền 20.000.000,đ (*Hai mươi triệu đồng*); tháng 6/2023 mua 01 (một) tivi nhãn hiệu LIVA, loại 43 inch với số tiền 5.700.000,đ (*Năm triệu bảy trăm nghìn đồng*), chi phí khám chữa bệnh cho con khoảng 50.000.000,đ (*Năm mươi triệu đồng*), số tiền còn lại **N** đã chi tiêu cá nhân hết.

Trương Văn Q - Trưởng **Ban Q3** (QPTTBTHM) thuộc dự án Quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học nhằm giảm phát thải CO2 (KFW8) trình bày: Năm 2018 **UBND xã Q3, huyện V, tỉnh Hà Giang** ban hành Quyết định số 41/QĐ-UBND về việc thành lập **Ban Q3**; Quyết định số 42/QĐ-**UBND thành lập BQL Quỹ PTTB thôn Q3** thuộc dự án Quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học nhằm giảm phát thải CO2 (KFW8) có ba thành viên do **Trương Văn Q** làm Trưởng ban, **Lý Thị L1** làm Kế toán và **Hoàng Văn N** làm Thủ quỹ để quản lý. Năm 2019 dự án bắt đầu cấp kinh phí cho BQL để thực hiện hoạt động, theo hướng dẫn thành lập quỹ, hàng năm quỹ sẽ nhận được một số kinh phí hoạt động do dự án cấp nhất định, ngoài kinh phí chi trả cho các hoạt động của BQL số kinh phí còn lại được các hộ trong thôn tham gia dự án thống nhất chuyển vào Quỹ PTTB **thôn Q3** để làm vốn cho các hộ tham gia dự án vay phát triển kinh tế (*Tổng số tiền đã nhập quỹ PTTB là 279.500.000,đ trong đó năm 2019 chuyển nhập quỹ số tiền 54.200.000,đ; năm 2020 nhập quỹ số tiền 128.800.000,đ; năm 2021 chuyển nhập quỹ số tiền 50.000.000,đ; năm 2022 chuyển nhập quỹ 46.500.000,đ*). Ban quản lý quỹ thống nhất họp vào ngày mùng 9 hàng tháng có trách nhiệm xét đơn và cho các hộ tham gia dự án vay tiền của quỹ với lãi suất cho vay là 1%/tháng, ngoài ra theo quy định khuyến khích tiết kiệm hàng tháng các hộ tham gia dự án Quỹ PTTB tự nguyện đóng góp vào quỹ Nhóm tín dụng tiết kiệm thôn bản mỗi hộ từ 10.000,đ đến 200.000,đ/tháng. Toàn bộ số tiền thuộc BQL dự án đã giao cho thủ quỹ **Hoàng Văn N** quản lý đến tháng 7/2023 là 403.585.000,đ trừ đi số tiền 4.000.000,đ của quỹ do **Lý Văn Q1** vay chưa trả vào quỹ, số tiền còn lại 399.585.000,đ **Hoàng Văn N** đã chi tiêu cá nhân hết. Với tư cách đại diện **BQL quỹ PTTB thôn Q3** đề nghị HĐXX xem xét buộc bị cáo **N** phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho QPTTB **thôn H** và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Lý Thị L2 – Kế toán **BQL QPTTB thôn Q3** thuộc dự án Quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học nhằm giảm phát thải CO2 (KFW8) khai: Được giao làm Kế toán cho Quỹ PTTB **thôn H**, quá trình thực hiện nhiệm vụ đã lập sổ kế

toán thu, chi quỹ đúng mẫu quy định, toàn bộ số tiền quỹ giao cho **Hoàng Văn N** quản lý hàng tháng có kiểm tra đối chiếu chủ yếu trên sổ sách nên không biết **N** tham ô số tiền được giao quản lý. **Lý Thị L1** xác nhận có vay của **Hoàng Văn N** số tiền 20.000.000,đ (Hai mươi triệu đồng chẵn) song đây là vay cá nhân với nhau không liên quan đến quỹ do Nhờ quản lý, hiện đã trả đầy đủ số tiền đã vay cho **Hoàng Văn N**.

Đối với **Trương Thị X**, sinh năm 1988; có nơi cư trú **thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang** là vợ của bị cáo **Hoàng Văn N**, không biết hành vi tham ô của bị cáo **N**, sau khi sự việc bị phát hiện chị **X** đã tự nguyện nộp cho cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện V** số tiền 200.000.000,đ (hai trăm triệu đồng chẵn) và không yêu cầu bị cáo **N** phải hoàn trả lại số tiền đã tự nguyện khắc phục hậu quả thay cho bị cáo, chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo **N**.

Trương Ôn V - Trưởng **ban Q4**: Bản thân là Trưởng thôn, **thôn H** đồng thời là Trưởng Ban quản lý dự án KFW8 **thôn H**, được **UBND xã Q3, huyện V** thành lập từ năm 2018. **Ban Q3** không quản lý trực tiếp kinh phí các quỹ. Việc quản lý tiền quỹ do Ban quản lý quỹ PTTB thôn **Hồng M** gồm **Trương Văn Q** làm Trưởng ban, **Lý Thị L1** làm Kế toán và **Hoàng Văn N** làm Thủ quỹ có trách nhiệm quản lý thu, chi quỹ vào ngày 09 hàng tháng theo quy định. Theo kế hoạch dự án **KFW8 thôn H** thực hiện đến tháng 07 năm 2023 sẽ giải thể sau khi quyết toán các khoản quỹ. BQL dự án đã thông báo cho **Hoàng Văn N** chuẩn bị tiền để quyết toán dự án, **Hoàng Văn N** đã thông báo bị mất trộm nên BQL dự án **KFW8 thôn H** đã báo cáo cơ quan Công an điều tra theo quy định.

Những người làm chứng xác nhận có cho **N** vay tiền trong đó **Lý Văn Đ** cho **N** vay số tiền 8.000.000,đ; **Bàn Văn T1** cho **N** vay số tiền 20.000.000,đ hiện **Hoàng Văn N** chưa trả.

Vật chứng thu giữ chưa xử lý gồm: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE RSXF1, màu sơn đỏ - đen BKS: 23H1-26.448 (đã qua sử dụng); 01 (một) ti vi nhãn hiệu LIVA, loại 43 inh (đã qua sử dụng); 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 000200, tên chủ xe: **Hoàng Văn N**, biển kiểm soát 23H1-26. 448, nhãn hiệu: HONDA, số loại: WAVE RSX FI, màu sơn: Đỏ Đen, do **Công an xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang** cấp ngày 20/02/2023.

(Những vật chứng này đã chuyển cho Cơ quan Thi hành án dân sự **huyện V**)

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo đã tác động gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả cho cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện V** 200.000.000,đ, (hai trăm triệu đồng chẵn) (Hiện đang được gửi tại tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự).

Tại bản cáo trạng số 23/CT-VKS-VX ngày 15/5/2024 của Viện kiểm sát (VKS) nhân dân huyện V truy tố bị cáo **Hoàng Văn N** về tội Tham ô tài sản quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tại phiên toà đại diện VKS giữ quyền công tố phát biểu quan điểm, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Hoàng Văn N** phạm tội Tham ô tài sản.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; đề nghị xử phạt bị cáo **Hoàng Văn N** từ 08 năm đến 09 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 15/09/2023.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 353 BLHS, cấm đảm nhiệm chức vụ đối với bị cáo **Hoàng Văn N** thời hạn 02 năm, kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

- Về trách nhiệm dân sự: **Ghi nhận ý kiến của bị cáo **Hoàng Văn N** về việc nộp khắc phục thiệt hại cho các quỹ trong tổng số tiền 200.000.000, đ đã nộp cụ thể:**

Tiền của Ban quản lý dự án KfW8 chi trả năm 2023 để phục vụ hoạt động bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học là 72.755.000,đ

Tiền của Quỹ phát triển thôn bản là 75.915.000,đ

Tiền của các thành viên đóng góp là 27.827.000 đồng (*Hai bảy triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn*).

Tiền lãi cho các thành viên vay vốn là 23.503.000 đồng (*Hai mươi ba triệu năm trăm linh ba nghìn*).

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 579; Điều 580 Bộ luật dân sự: Đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt còn lại là 199.585.000,đồng (*Một trăm chín mươi chín triệu năm trăm tám mươi năm nghìn đồng*) cho **Ban Q3**, thuộc dự án Quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học nhằm giảm phát thải CO2 (KFW8).

Về vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 2 điều 106 BLTTHS. Đề nghị HĐXX tịch thu sung vào ngân sách Nhà Nước:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE RSXF1, màu sơn đỏ - đen BKS: 23H1-26.448 (*đã qua sử dụng*).

- 01 (một) ti vi nhãn hiệu LIVA, loại 43 inh (*đã qua sử dụng*).

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 000200, tên chủ xe: **Hoàng Văn N**, biển kiểm soát 23H1-26.448, nhãn hiệu: HONDA, số loại: WAVE RSX FI, màu sơn: Đỏ Đen, do **Công an xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang** cấp ngày 20/02/2023.

- Về án phí: Bị cáo được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với đề nghị của VKS về tội danh, hình phạt và đề nghị cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Tại phần tranh luận: Bị cáo; Người bào chữa cho bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người tham gia tố tụng khác đồng ý với quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên, ngoài ra không có tranh luận đối đáp gì thêm.

Bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử cho hưởng mức án thấp nhất để có cơ hội cải tạo sớm trở về thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng đã có lời khai trong hồ sơ, xét thấy việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng không gây trở ngại cho việc xét xử, do vậy căn cứ vào Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Hoàng Văn N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của Người đại diện của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với lời khai người làm chứng và vật chứng thu giữ được cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận từ năm 2022 đến tháng 7/2023, Hoàng Văn N đã sử dụng tiền quỹ do mình được giao quản lý cho mục đích cá nhân với tổng số tiền quỹ do Hoàng Văn N quản lý là 399.585.000,đ (Ba trăm chín mươi chín triệu năm trăm tám mươi năm nghìn đồng). Hành vi của bị cáo Hoàng Văn N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản”.

[4] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Hoàng Văn N thừa nhận: Quá trình làm thủ quỹ Ban Q3, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang được giao quản lý tiền quỹ bị cáo đã nhiều lần sử dụng tiền Quỹ phát triển thôn bản thôn H cho mục đích tiêu dùng cá nhân cụ thể:

Lần 1: Tháng 01/2023, cho Lý Thị L1 vay số tiền 20.000.000,đ (Hai mươi triệu đồng).

Lần 2: Tháng 02/2023, bản thân Nhớ tự lấy tiền mua 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE RSXF1, BKS: 23H1-26.448 với số tiền 24.000.000,đ (Hai mươi tư triệu đồng).

Lần 3: Tháng 03/2023 N lấy tiền xây tường rào bao quanh nhà ở với số tiền 20.000.000,đ (Hai mươi triệu đồng).

Lần 4: Tháng 6/2023 Nhớ mua 01 (một) ti vi nhãn hiệu LIVA, loại 43 inch với số tiền 5.700.000,đ (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng),

Ngoài ra, bị cáo Hoàng Văn N còn dùng tiền quỹ để chi phí cho con khám chữa bệnh khoảng 50.000.000,đ (Năm mươi triệu đồng) và chi tiêu cá nhân hết số tiền còn lại mà không nhớ thời gian, nội dung chi cụ thể.

[5] Quá trình chiếm đoạt và sử dụng số tiền từ Quỹ phát triển thôn bản thôn H do mình quản lý, bị cáo N thực hiện một mình không bàn bạc và nói chuyện với ai, vợ bị cáo là Trương Thị X cũng không biết việc bị cáo N lấy và chi tiền của quỹ do N được giao quản lý cho các chi tiêu sinh hoạt của gia đình nên hành vi phạm tội của bị cáo N không có đồng phạm.

[6] Như vậy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Hoàng Văn N về tội Tham ô tài sản theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Điều luật có nội dung:

"1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

.....

c) Phạm tội 02 lần trở lên;

d) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

[7] Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo Hoàng Văn n là rất nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm uy tín, tính đúng đắn trong hoạt động quản lý tài chính, vi phạm trong khi thực hiện nhiệm vụ được giao, xâm phạm quan hệ sở hữu tài sản - Là khách thể được P bảo vệ, làm mất niềm tin của nhân dân gây ảnh hưởng xấu đến dư luận xã hội cần phải xử lý về hình sự. Bị cáo là người có trình độ, hiểu biết pháp luật nhất định, biết sử dụng tài sản của tập thể được giao cho mình quản lý là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, điều đó thể hiện sự bất chấp kỷ cương, coi thường pháp luật của bị cáo. Xét cần phải có một mức án tương xứng cách ly bị cáo một thời gian nhất định phù hợp với tính

chất, hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra đủ để cải tạo bị cáo thành công dân tốt cho xã hội đồng thời là bài học giáo dục, cảnh tỉnh chung cho xã hội.

[8] Khi quyết định hình phạt, HĐXX cân nhắc xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[8.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không;

[8.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[8.2.1] Tại phiên tòa bị cáo khai có ông nội là người tham gia công tác nhưng không nhớ chính xác công tác gì và có được khen thưởng hay không, tại hồ sơ không có tài liệu nào thể hiện ông nội bị cáo là người có công với cách mạng nên HĐXX không xem xét đó là một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng.

[8.2.2] Bị cáo là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, xuất thân từ người dân lao động thuần túy, sống tại khu vực có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, bị cáo trình độ văn hóa lớp 9/12, hiểu biết pháp luật hạn chế. Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã chủ động tác động gia đình nộp tiền khắc phục hậu quả. HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[9] Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 353 BLHS, cấm đảm nhiệm chức vụ đối với bị cáo **Hoàng Văn N** thời hạn 02 năm, kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

[10] Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo đang bị tạm giam, khi kết thúc phiên tòa bị cáo bị xử hình phạt tù nên HĐXX xét thấy cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[11] Trách nhiệm dân sự: Bị cáo tham ô số tiền 399.585.000,đồng; bị cáo đã tác động gia đình nộp khắc phục hậu quả số tiền 200.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo xác định nộp khắc phục cho các quỹ gồm: Tiền quỹ hoạt động của BQL dự án KfW8 năm 2023 là 72.755.000 đồng; tiền quỹ của Quỹ PTTB là 75.915.000 đồng; tiền tiết kiệm của các thành viên đóng góp là 27.827.000 đồng và tiền lãi cho các thành viên vay vốn là 23.503.000 đồng. Bị cáo **Hoàng Văn N** còn phải tiếp tục trả cho **Ban Q3, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang** số tiền tham ô còn lại là 199.585.000,đ (*một trăm chín mươi chín triệu năm trăm tám mươi năm nghìn đồng*). Theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 579 và Điều 580 của Bộ luật dân sự.

[12] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 2 điều 106 BLTTHS tịch thu sung quỹ nhà nước đối với các vật chứng là tài sản do bị cáo phạm tội mà có gồm: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE RSXF1, màu sơn đỏ - đen BKS: 23H1-26.448 (*đã qua sử dụng*); 01 (một) ti vi nhãn hiệu LIVA, loại 43 inh (*đã qua sử dụng*); 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 000200, tên chủ xe: **Hoàng Văn N**, biển kiểm soát 23H1-264.48, nhãn hiệu: HONDA, số loại: WAVE RSX FI, màu sơn: Đỏ

Đen, do Công an xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang cấp ngày 20/02/2023.

(Vật chứng như biên bản bàn giao giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V và Cơ quan Thi hành án dân sự huyện V ngày 15/5/2024)

[13] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Trương Thị X đã thay bị cáo N nộp 200.000.000,đ để bồi thường khắc phục hậu quả thay cho bị cáo N, chỉ X không yêu cầu bị cáo có trách nhiệm gì đối với số tiền đã bồi thường thay cho bị cáo N, HĐXX không xem xét.

[14] Hành vi đối tượng liên quan:

[14.1] Đối với Trương Thị X là vợ bị cáo Hoàng Văn N không biết việc bị cáo N chiếm đoạt tiền quỹ dùng cho chi tiêu cho sinh hoạt của gia đình. Cơ quan Điều tra không đề nghị xử lý hình sự. HĐXX không xem xét.

[14.2] Đối với Trương Ôn V là Trưởng thôn, thôn H đồng thời là Trưởng Ban quản lý dự án KFW8 thôn H tuy nhiên không trực tiếp tham gia quản lý Quỹ phát triển thôn bản thôn H, khi phát hiện sự việc đã báo. Qua điều tra Cơ quan Điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội, không bị cơ quan điều tra đề nghị xử lý hình sự. HĐXX không xem xét.

[14.3] Trương Văn Q là Trưởng BQL và Lý Thị L1 là Kế toán Ban Q3 chỉ là người dân lao động thuần túy được giao việc quản lý quỹ của thôn, cả hai không có trình độ quản lý, hiểu biết hạn chế, chưa được đào tạo chuyên sâu về công tác quản lý, bảo vệ tiền quỹ và không biết việc Hoàng Văn N chiếm đoạt tiền quỹ, khi phát hiện hành vi phạm tội của bị cáo đã phối hợp với cơ quan chức năng làm rõ Cơ quan điều tra không xem xét xử lý. HĐXX không xem xét.

[14.4] Lý Văn Đ xác nhận cho bị cáo N vay số tiền 8.000.000,đ (Tám triệu đồng chẵn); Bàn Văn T1 xác nhận cho bị cáo N vay số tiền 20.000.000,đ (Hai mươi triệu đồng chẵn) đến nay chưa trả, Cơ quan điều tra xác định số tiền bị cáo N vay là vay nợ cá nhân không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo N, cơ quan Điều tra không xử lý. HĐXX không xem xét.

[14.4] Lý Thị L1 vay Hoàng Văn N số tiền 20.000.000,đ xác định là vay nợ cá nhân trong sinh hoạt, không biết số tiền đó là tiền của Q2 phát triển thôn bản và đã thanh toán trả cho N song số tiền vay. Cơ quan điều tra xác định không liên quan, không xử lý. HĐXX không xem xét.

[15] Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về tội danh, mức án, bồi thường và xử lý vật chứng là có căn cứ. HĐXX chấp nhận.

[16] Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Hoàng Văn N được miễn toàn bộ tiền án phí theo quy định của pháp luật.

[17] Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự bị cáo, Người đại diện nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Hoàng Văn N** phạm tội tham ô tài sản.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo **Hoàng Văn N** 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 15/09/2023

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 353 BLHS, cấm đảm nhiệm chức vụ đối với bị cáo **Hoàng Văn N** thời hạn 02 năm, kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 579 và Điều 580 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo **Hoàng Văn N**, sinh năm 1989, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú **thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang** phải trả cho **Ban Q3, xã T, tỉnh Hà Giang** thuộc dự án Quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học nhằm giảm phát thải CO2 (KFW8) số tiền đã chiếm đoạt là 399.585.000 đồng (*Ba trăm chín mươi chín triệu, năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả 200.000.000bvdồng (*Hiện đang được gửi tại tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang*) bị cáo còn phải tiếp tục trả số tiền còn lại là 199.585.000 đồng (*Một trăm chín mươi chín triệu năm trăm tám mươi năm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 2 điều 106 BLTTHS.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà Nước: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE RSXF1, màu sơn đỏ - đen BKS: 23H1-26.448 (*đã qua sử dụng*); 01 (một) ti vi nhãn hiệu LIVA, loại 43 inh (*đã qua sử dụng*). 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 000200, tên chủ xe: **Hoàng Văn N**, biển kiểm soát 23H1-264.48, nhãn hiệu: HONDA, số loại: WAVE RSX FI, màu sơn: Đỏ Đen, do **Công an xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang** cấp ngày 20/02/2023.

*(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/5/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện V**, tỉnh Hà Giang và Chi cục thi hành án dân sự huyện V)*

5. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo **Hoàng Văn N** được miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự

Bị cáo; Người đại diện của nguyên đơn dân sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày 15/7/2024; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản bản được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND V, VKSND tỉnh ;
- Cơ quan CSĐT CA huyện V;
- THAHS Công an V;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Phòng PV06 CA tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang;
- Bị cáo; Người bào chữa
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã Tùng Bá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Xuân Đạt

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- V; V
- V;V
- V;V
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Phòng PV06 CA tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã Ngọc Minh;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà****Trần Xuân Đạt**

- Lưu hồ sơ vụ án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

**Thẩm phán - Chủ tọa
phiên tòa**

**Hoàng Đình Như – Nguyễn Thị
Hằng**

Trần Xuân Đạt